

Số: 6169 /SYT-NV

Đồng Nai, ngày 16 tháng 12 năm 2019

V/v phê duyệt đối tượng tiêm  
chủng mở rộng trên địa bàn tỉnh  
Đồng Nai năm 2020.

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh.

Sở Y tế nhận Tờ trình số 915/KSBT ngày 22/11/2019 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh về việc phê duyệt đối tượng tiêm chủng mở rộng năm 2020 tại Đồng Nai, Công văn số 980/KSBT ngày 12/12/2019 về đối tượng tiêm chủng mở rộng năm 2020 tại Đồng Nai (điều chỉnh lần 1), Qua xem xét nội dung đã trình, Giám đốc Sở Y tế có ý kiến như sau:

Chấp thuận Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh quản lý, triển khai đối tượng tiêm chủng mở rộng năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, số đối tượng cụ thể như sau:

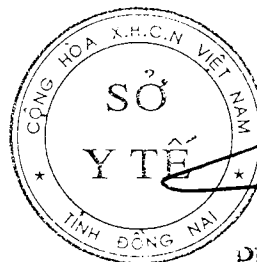
- Tổng số trẻ dưới 1 tuổi: 48.136 trẻ;
- Tổng số phụ nữ có thai: 44.374 người;
- Tổng số trẻ 18 tháng tuổi: 43.187 trẻ;
- Tổng số trẻ tiêm Viêm não Nhật Bản mũi 1, mũi 2: 45.935 trẻ, mũi 3: 44.207 trẻ (đính kèm phụ lục chi tiết).

Sở Y tế đề nghị Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh phối hợp với Trung tâm Y tế các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa triển khai thực hiện tốt Dự án tiêm chủng mở rộng, định kỳ báo cáo về Sở Y tế, Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh, Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên (thực hiện);
- Viện VSDTTW (để b/cáo);
- Cục Y tế dự phòng (để b/cáo);
- Viện Pasteur TP.HCM (để b/cáo);
- TTYT các huyện, TP.Long Khánh, TP. Biên Hòa (thực hiện);
- Website Sở Y tế;
- Lưu: VT, NV.

Q/2019/TCMR



**GIÁM ĐỐC**

Phan Huy Anh Vũ



## PHỤ LỤC ĐĂNG KÝ ĐỐI TƯỢNG TIÊM CHỦNG NĂM 2020

(Định kèm Công văn số 6169 /SYT-NV ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Sở Y tế Đồng Nai)

TT	Địa phương	Số xã, phường	Tổng số ấp/khu phố	Xã miền núi, vùng sâu, vùng xa	Dân số	Trẻ < 1 tuổi			Phụ nữ có thai		Đối tượng NTSD cần tiêm UV	Đối tượng tiêm vắc xin VNNB (1 đến 3 tuổi)			Đối tượng tiêm vắc xin VNNB (4 đến 5 tuổi)			Đối tượng 18 tháng tiêm VX MR và DPT4	
						Số trẻ < 1 tuổi	Đối tượng tiêm IPV	Số đối tượng vùng khó khăn*	Đối tượng PNCT	Số PNCT vùng khó khăn*		Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3	Tổng số	Đối tượng vùng khó khăn*
1	TP. Biên Hòa	30	201	0	1,055,414	16,391	16,341	0	16,107	0	8,545	13,163	13,163	11,911	1,764	1,764	1,874	13,666	0
2	Xuân Lộc	15	92	15	226,648	3,927	3,927	0	3,820	0	0	3,911	3,911	3,898	0	0	0	3,947	0
3	Long Thành	14	98	3	246,051	3,506	2,946	0	3,211	0	0	3,284	3,284	2,974	70	70	314	3,305	0
4	Cẩm Mỹ	13	74	13	139,362	2,091	1,763	0	1,500	0	0	2,094	2,094	2,073	0	0	0	2,065	0
5	Thống Nhất	10	46	5	163,905	2,820	2,097	0	2,775	0	2,445	2,703	2,703	2,705	363	363	383	2,763	0
7	Trảng Bom	17	71	12	349,279	5,676	5,077	0	5,442	0	0	5,242	5,242	4,544	418	418	558	5,030	0
7	Định Quán	14	112	14	187,306	3,369	3,188	0	3,317	0	0	3,201	3,201	3,059	20	20	32	3,109	0
8	Vĩnh Cửu	12	65	6	164,003	2,285	1,803	0	1,885	0	1,885	2,130	2,130	1,925	225	225	465	1,815	0
9	Tân Phú	18	94	15	153,080	2,368	2,136	61	1,873	64	0	2,285	2,285	2,206	18	18	28	2,234	70
10	TP. Long Khánh	15	59	4	151,467	1,786	1,786	0	1,417	0	0	1,674	1,674	1,820	0	0	171	1,765	0
11	Nhon Trạch	12	53	0	260,592	3,917	3,223	0	3,027	0	48	3,370	3,370	3,267	0	0	0	3,488	0
<b>Toàn tỉnh</b>		<b>170</b>	<b>965</b>	<b>87</b>	<b>3,097,107</b>	<b>48,136</b>	<b>44,287</b>	<b>61</b>	<b>44,374</b>	<b>64</b>	<b>12,923</b>	<b>43,057</b>	<b>43,057</b>	<b>40,382</b>	<b>2,878</b>	<b>2,878</b>	<b>3,825</b>	<b>43,187</b>	<b>70</b>

\*Theo quyết định số 582/QĐ/TTg ngày 28/4/2017 của Thủ Tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020.